

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 310/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung  
giữa chị D và anh T

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị D, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

**- Bị đơn:** Anh Đặng Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

**Người làm chứng:** Bà Đặng Thị N, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01 tháng 8 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn ngày 29/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị D và anh T chung sống hoà thuận hạnh phúc tại xóm B, xã H được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T là người cầm đầu bắt sinh nên vợ chồng không chia sẻ được với nhau, khi chị D sinh con vào năm 2008 thì mẹ đẻ anh T ra hiệu nói con sinh ra không phải con anh T nên anh T nóng nảy, vợ chồng xảy ra xô xát và anh T gây thương tích cho chị D. Vì lo sợ nên chị D đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau này, gia đình anh T có đến xin lỗi và mong muốn đưa mẹ con chị D về sống cùng nhưng chị D không nhất trí và anh T, chị D ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án cho ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Văn T1, sinh ngày 06/7/2008, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu T1 sống cùng chị D. Nay ly hôn chị D có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Chị D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Văn T thông qua người phiên dịch là bà Đặng Thị N (mẹ đẻ anh T) trình bày:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T; bà Đặng Thị N là mẹ đẻ của anh T đã nhận thay và đã truyền đạt lại cho anh T, biết, bà N cũng là người phiên dịch cho anh T hiểu sự việc chị D có đơn ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án này và bà N cho biết Anh T nhất trí ly hôn vì chị D và anh T đã sống ly thân nhau mười mấy năm nay, không quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Về con chung: Anh T, chị D có 01 con chung là cháu Đặng Văn T1 và từ khi cháu T1 được 06 tháng tuổi đến nay thì chị D nuôi dưỡng nên anh T không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T và bà N xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã

thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Đặng Văn T. Về con chung: Giao cháu Đặng Văn T1, sinh ngày 06/7/2008 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị D, người làm chứng là bà Đặng Thị N vắng mặt theo ý kiến xin vắng mặt, bị đơn là anh Đặng Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người phiên dịch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị D và anh Đặng Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 29/12/2006. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn nặng nề do vợ chồng không tin tưởng nhau nên xảy ra xích mích, hai người đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị D xác định cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án cho ly hôn anh T. Thông qua gia đình, anh T có quan điểm cũng nhất trí ly hôn với chị D.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T là trầm trọng, bản thân anh T biết việc chị D có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp văn bản thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị D. Chị D và anh T đã có thời gian sống ly thân từ 2011 cho đến nay nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại, chị D làm đơn ly hôn, anh T cũng nhất trí. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho ly hôn giữa chị D và anh Đặng Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Văn T1, sinh ngày 06/7/2008, hiện nay cháu T1 đang sống cùng chị D. Nay ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh T không có ý kiến gì.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự, nguyện vọng của con chung thì thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của chị D là hoàn toàn chính đáng, chị D là người khỏe mạnh và có khả năng lao động, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu T1 sống cùng chị D, cháu T1 cũng có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng chị D nên cần giao cháu Đặng Văn T1 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị D và anh T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị D là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Văn T1, sinh ngày 06/7/2008 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. (Hiện nay con chung đang sống cùng chị D).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003382 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Phạm Thị D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã Hải Anh: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**